

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng (quý I)
năm 2026 trên địa bàn xã Tân Khánh**

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Khánh về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Tân Khánh;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tân Khánh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Tân Khánh;

Thực hiện Công văn số 3073/STC- TH&QLNS ngày 05/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách cấp xã;

Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng (quý I) năm 2026 trên địa bàn xã Tân Khánh, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(Có biểu số 54, 55, 56.1 và thuyết minh chi tiết kèm theo)

II. Hình thức công khai

Công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh xã và Cổng thông tin điện tử xã Tân Khánh

III. Thời điểm công khai

Thời điểm công khai bắt đầu từ khi Thông báo này được ký.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý sách nhà nước 03 tháng(quý I) trên địa bàn xã Tân Khánh./

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Khánh;
- Các phòng, ban, đoàn thể xã;
- Cổng thông tin điện tử xã Tân Khánh;
- Lưu: VT, KT.



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng (quý I) xã Tân Khánh năm 2026
(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Tân Khánh)

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ Quý I năm 2026**1. Lĩnh vực quản lý ngân sách**

- Thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026; đồng thời chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện kế hoạch thu ngân sách năm 2026 ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch thu ngân sách xã 2026.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030, kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước khu vực VII – phòng giao dịch số 01 thực hiện công tác đối chiếu, lập báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025 đảm bảo chính xác theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các nhà thầu tăng cường thực hiện hoàn thành các dự án dở dang đảm bảo theo tiến độ. Đối với các dự án mới, tập trung phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện quy trình thủ tục hồ sơ theo quy định để đấu thầu triển khai thi công đảm bảo khối lượng để thực hiện giải ngân vốn đầu tư đạt kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2026.

- Giao cơ quan chuyên môn hướng dẫn các đơn vị dự toán ngân sách xã thực hiện thu, chi ngân sách, năm 2026 theo quy định của pháp luật;

- Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2026. Thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 theo đúng quy định.

2. Về cân đối ngân sách xã trên địa bàn:

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 4,620 tỷ đồng, đạt 33,8 % dự toán được giao.

Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 3,818 tỷ đồng đạt 30,2% tỷ lệ dự toán được giao.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 30,399 tỷ đồng, bằng 20,3 % dự toán giao.

3. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 4,620 tỷ đồng, đạt 33,8 % dự toán được giao.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 1,214 tỷ đồng (đạt 36,7 % dự toán giao).

+ Thuế thu nhập cá nhân: 0,109 triệu đồng (đạt 51,9 % dự toán giao)

+ Lệ phí trước bạ: 0,393 tỷ đồng (đạt 39,30 % dự toán giao)

+ Thu phí, lệ phí: 1,815 tỷ đồng (đạt 33,9 % dự toán giao)

+ Các khoản thu về nhà đất: 1,080 tỷ đồng (đạt 30,4 % dự toán giao)

+ Thu khác ngân sách: 0,111 tỷ đồng (đạt 24,7% dự toán giao)

4. Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng chi ngân sách ước thực hiện: 30,399 tỷ đồng, bằng 20,3% dự toán giao, trong đó:

- + Chi đầu tư phát triển: 0 tỷ đồng bằng 0 % dự toán giao.
- + Chi thường xuyên: 30,399 tỷ đồng bằng 20,3% dự toán giao.



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Tân Khánh

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13,667	4,620	4,620	33,8%	
I	Thu nội địa	13,667	4,620	4,620	33,8%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	149,416	42,477	42,477	28,4%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	12,643	4,620	4,620	36,5%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	0,400	0,136	0,136	34,0%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	12,243	4,484	4,484	36,6%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	136,773	37,857	37,857	27,7%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	78,259	21,500	21,500	27,5%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	58,514	16,357	16,357	28,0%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
VI	Thu từ nguồn đóng góp					
C	TỔNG CHI NSDP	149,416	30,399	30,399	20,3%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	149,416	30,399	30,399	20,3%	
1	Chi đầu tư phát triển	4,677	-	-	0,0%	
2	Chi thường xuyên	142,473	30,399	30,399	21,3%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	2,266	-	-	0,0%	



STT	Nội dung	Dự toán	Uớc thực hiện		Uớc... tháng so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Phg

(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Tân Khánh

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13,667	4,620	4,620	33,8%	
I	Thu nội địa	13,667	4,620	4,620	33,8%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		0,007	0,007		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3,310	1,214	1,214	36,7%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1,000	0,393	0,393	39,30%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	5,350	1,815	1,815	33,9%	
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	5,000	1,679	1,679	33,6%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	3,557	1,080	1,080	30,4%	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	0,05	0,001	0,001	2,0%	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	0,007	0,000	0,000	0,0%	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	3,500	1,079	1,079	30,8%	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	0,45	0,111	0,111	24,7%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					



STT	Nội dung		Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	T	2	3	4	5
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	12,643	4,620	3,818	30,2%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	12,243	4,484	3,682	30,1%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	0,400	0,136	0,136	34,0%	

Pha

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Tân Khánh

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	149,416	30,399	30,399	20,3%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	149,416	30,399	30,399	20,3%	
I	Chi đầu tư phát triển	4,677	0,000	0,000	0,0%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	4,677	0,000	0,000	0,0%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	142,473	30,399	30,399	21,3%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	75,904	11,501	15,978	21,1%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	666	-	-	0,0%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2,266			0,0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	0	0	0		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					